TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2025
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt

2. Ông Mai Văn Cười

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1971. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố Mỹ X, phường Sơn Q, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1966. *(vắng mặt không lý do)*

Địa chỉ: Ấp TP4, xã TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 24/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh B kết hôn năm 2001, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị về sống chung gia đình chồng và thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn với gia đình bên chồng, cụ thể là mẹ chồng và chị chồng, chị thường xuyên bị gia đình chồng và chồng đánh nên từ tháng 01/2005 chị đã đi khỏi nhà chồng và không còn liên hệ, qua lại với anh B cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B không đến Tòa án theo*

giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M xin vắng mặt, bị đơn anh B vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2001, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc phường AK, thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 10/12/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của chị M: Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình chồng và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với gia đình bên chồng như chị trình bày trên nên vợ chồng chị đã không còn chung sống từ năm 2005 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh B nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh B mặc nhiên thừa nhận quá trình chung sống với chị M đã xảy ra những mâu thuẫn như chị M đã nêu và anh chị không thể hàn gắn tình cảm được nữa. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị được ly hôn với anh B là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị M yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M. Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014179 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND phường AK, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.